

Bản án số: 45/2018/DS-PT

Ngày 30 tháng 5 năm 2018

V/v: “T/c hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thiện

Các thẩm phán: Ông Trương Văn Tâm

Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 173/2017/TBTL-TA ngày 08/12/2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 02/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐPT-DS ngày 07/5/2018; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 22/2018/QĐ-PT ngày 22/5/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐ-PT ngày 23/5/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đào Tiến Q, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: xã M, huyện N, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1966 (ông Đ, bà H có mặt).

Địa chỉ: xã A, huyện N, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985, cùng địa chỉ của bị đơn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đào Tiến Q trình bày:

Ông Đ là thầu xây dựng, còn Ông là thợ cơ khí làm thuê cho ông Đ. Ông gọi ông Đ là chú, thân thiết như người nhà. Ông Đ khi xây dựng công trình bị

thiếu vốn đã nhiều lần nhờ Ông đi vay tiền giúp để thanh toán vật tư và trả công thợ như sau:

Đầu năm 2011, ông Đ vay Ông 40.000.000 đồng, sau đó ông Đ nhờ Ông mua vật tư và ứng tiền công cho thợ.

Ngày 11/10/2011, Ông đến nhà ông Đ để cùng tính toán thì số tiền ông Đ thiếu là 70.000.000 đồng. Ông Đ viết giấy vay tiền có chữ ký của ông Đ và bà H để làm tin, hẹn 30 ngày sau sẽ trả nhưng không trả.

Sau khi viết giấy vay tiền 70.000.000 đồng, ông Đ còn nhiều lần nhờ Ông vay tiền, đứng ra trả tiền vật tư và tiền công thợ nhưng cũng không trả lại.

Ngày 14/3/2012, Ông và ông Đ ngồi tại quán cà phê cộng lại số tiền ông Đ mượn thêm của Ông là 133.000.000 đồng. Ông Đ viết và ký tên vào hợp đồng vay tiền rồi mang về cho bà H ký tên, hẹn đến ngày 14/5/2012 sẽ trả nhưng cũng không trả.

Thời gian sau, ông Đ còn mượn của Ông 18.000.000 đồng: Tháng 7/2012 mượn 2.000.000 đồng; ngày 31/7/2012 mượn 5.000.000 đồng; ngày 31/12/2012 mượn 11.000.000 đồng (lần thứ nhất 7.000.000 đồng và lần thứ hai 4.000.000 đồng).

Tính đến ngày 31/12/2012 thì số tiền ông Đ thiếu Ông tổng cộng 221.000.000 đồng. Ngày 10/01/2013, ông Đ ký giấy cam kết và hoàn nợ, xác nhận thiếu 221.000.000 đồng và hẹn đến ngày 20/01/2013 sẽ trả nhưng không trả.

Ngày 13/12/2013, ông Đ viết tiếp giấy cam kết hoàn nợ, hẹn đến ngày 30/02/2014 sẽ trả tiền cho Ông nhưng cũng không trả.

Đến ngày 23/5/2014, ông Đ tiếp tục viết giấy cam kết hoàn nợ, hẹn đến ngày 25/7/2014 sẽ trả số tiền 221.000.000 đồng nhưng cũng không trả.

Số tiền 221.000.000 đồng Ông cho ông Đ vay là tiền riêng Ông đi vay bên ngoài trả lãi, không phải tài sản chung của vợ chồng Ông. Quá trình vay tiền, ông Đ thỉnh thoảng có đưa tiền để Ông đóng lãi, trường hợp ông Đ không đưa thì Ông phải tự xoay để đóng lãi, cụ thể ông Đ đưa bao nhiêu thì Ông không nhớ nhưng tiền gốc 221.000.000 đồng thì ông Đ chưa thanh toán.

Đơn khởi kiện Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đ, bà H thanh toán cho Ông tiền gốc 221.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, tính đến ngày làm đơn khởi kiện thì số tiền lãi là 90.000.000 đồng. Nay Ông có rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Đ, bà H thanh toán tiền gốc 221.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Ông thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Đ phải thanh toán số tiền 221.000.000 đồng, bà H phải cùng ông Đ thanh toán số tiền mà bà H đã ký tên trên giấy nợ là 203.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Khắc Đ trình bày:

Ngày 25/4/2011, Ông có vay của ông Q 40.000.000 đồng, lãi suất 50.000 đồng/1.000.000 đồng/01 tháng. Ngày 11/10/2011, ông Q đến nhà Ông tính tiền lời và tiền công thợ ông Q đứng ra trả giúp Ông thêm 30.000.000 đồng thành 70.000.000 đồng rồi yêu cầu Ông viết vào giấy vay tiền. Ông đã viết và ký giấy, hẹn 30 ngày sau sẽ trả nợ cho ông Q, ký xong Ông ký thay cho bà H.

Ngày 14/03/2012, ông Q tính tiền lời của số tiền 70.000.000 đồng từ ngày 11/10/2011 đến ngày 14/3/2012 là 63.000.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi thành 133.000.000 đồng. Ông Q yêu cầu Ông viết vào hợp đồng vay tiền, hẹn đến ngày 14/5/2012 sẽ trả nợ cho ông Q. Sau khi viết và ký tên đã ký thay cho bà H.

Ngày 13/12/2013, ông Q cho ông Phạm Văn M điện thoại cho Ông xuống nhà ông M ở Vũng Tàu. Khi vừa chạy xe đến nơi thì bị ông Q ra giữ xe rồi ép ký vào giấy cam kết hoàn nợ ngày 10/01/2013 đánh máy sẵn. Ký xong ông Q còn đọc cho Ông viết thêm một giấy cam kết hoàn nợ ngày 13/12/2013. Hai giấy cam kết hoàn nợ này có nội dung giống nhau là Ông và bà H còn thiếu ông Q 221.000.000 đồng. Khi ký giấy cam kết ngày 10/01/2013 Ông không đọc nội dung. Lý do Ông ký và viết giấy cam kết là do bị ông Q giữ xe, ông Q nói ký và viết xong ông Q sẽ trả xe cho về. Do chiếc xe là phương tiện đi làm ăn nên Ông đã ký và viết theo yêu cầu của ông Q. Chữ ký của bà H trên giấy cam kết hoàn nợ ngày 10/01/2013 là do Ông ký thay.

Ngày 23/5/2014, ông Q cho người lạ mặt gọi Ông ra quán cà phê H ở xã Tóc Tiên rồi giữ xe của Ông, ép Ông phải viết giấy cam kết hoàn nợ với nội dung Ông và bà H thiếu ông Q 221.000.000 đ, hẹn đến ngày 25/7/2014 sẽ trả cho ông Q. Do bị giữ xe nên Ông phải viết giấy và ký tên theo yêu cầu của ông Q.

Việc Ông mượn tiền của ông Q, bà H hoàn toàn không biết. Chữ ký của bà H trên các giấy tờ đều do Ông ký thay. Trên các giấy nợ có đóng dấu của DNTN N (Ông là chủ DNTN N) nhưng đây là nợ riêng của Ông, không liên quan gì đến DNTN N và bà H. Ông xác định số tiền vay của ông Q chỉ có 70.000.000 đồng nhưng đã trả cho ông Q nhiều lần, tổng cộng 135.000.000 đồng. Khi Ông trả tiền thì hai bên không làm giấy tờ gì, Ông chỉ ghi vào sổ của mình để theo dõi. Việc ông Q ép Ông ký và viết các giấy cam kết thì không có chứng cứ gì để chứng minh và cũng không có ai chứng kiến.

Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, nếu ông Q đồng ý thì Ông sẽ trả thêm cho ông Q 30.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:

Việc vay mượn tiền giữa ông Q và ông Đ như thế nào thì Bà không biết. Đầu năm 2010, Bà có nghe ông Đ nói mượn ông Q số tiền 40.000.000 đồng để thanh toán vật tư và trả công thợ.

Ngày 11/10/2011, ông Q đến nhà Bà tính tiền lãi của số tiền 40.000.000 đồng và tiền công thợ ông Đ thiếu ông Q. Khi ông Đ mang giấy vay tiền vào đưa Bà ký tên, ông Đ có nói đây là giấy nhận nợ 70.000.000 đồng với ông Q. Bà nghe xong không đọc lại nội dung mà ký tên luôn. Trước khi ký Bà chỉ biết là

ký nhận nợ 70.000.000 đồng còn nội dung cụ thể của giấy vay tiền thế nào Bà không biết vì mọi việc trong gia đình từ trước đến nay đều do ông Đ quyết định.

Sau khi ký giấy vay tiền ngày 11/10/2011, thỉnh thoảng Bà có nghe ông Đ nói trả tiền cho ông Q, trả nhiều lần, mỗi lần một ít nhưng không biết cụ thể bao nhiêu. Những lần trả tiền cho ông Q thì ông Đ có ghi sổ theo dõi nhưng không yêu cầu ông Q ký tên. Một thời gian sau, khi Bà đang làm ở dưới bếp thì ông Đ lại mang giấy vào cho Bà ký. Trước khi đưa, ông Đ có nói đây là giấy nhận nợ 133.000.000 đồng cho ông Q, Bà không đọc mà ký tên luôn.

Đối với ba giấy cam kết hoàn nợ ngày 10/01/2013, ngày 13/12/2013, ngày 23/5/2013 thì Bà hoàn toàn không biết. Khi Bà hỏi lại thì ông Đ nói do bị ông Q ép buộc, giữ xe nên phải viết và ký giấy để ông Q trả xe cho về. Chữ ký trong giấy cam kết hoàn nợ ngày 10/01/2013 không phải là của Bà.

Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Q, vì số tiền ông Đ vay của ông Q chỉ có 40.000.000 đồng nhưng ông Đ nói đã trả cho ông Q 135.000.000 đồng, nếu ông Q đồng ý thì Bà sẽ cùng ông Đ trả cho ông Q thêm 30.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà là vợ của ông Q. Việc ông Q cho ông Đ, bà H vay tiền thế nào thì Bà không biết. Tiền ông Q cho ông Đ, bà H vay là tiền riêng của ông Q do đi vay người khác mà có, không liên quan gì đến Bà. Khi ông Đ, bà H không trả tiền cho ông Q, ông Q không có tiền trả cho người ta, bị người ta đến nhà đòi nợ thì Bà mới biết. Qua yêu cầu khởi kiện của ông Q, Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 02/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi của ông Đào Tiến Q.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Tiến Q đối với ông Nguyễn Khắc Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Khắc Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm H thanh toán cho ông Đào Tiến Q tiền gốc 203.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Khắc Đ thanh toán cho ông Đào Tiến Q tiền gốc 18.000.000 đồng.

Ngày 12/02/2018, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung:

Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu sửa Bản án sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 02/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Khắc Đ, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn tranh chấp yêu cầu bị đơn trả tiền vay, nên xác định tranh chấp cần được giải quyết là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của TAND huyện Tân Thành.

Quan hệ hợp đồng vay tài sản xảy ra năm 2011 và 2012 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[2] Về nội dung tranh chấp và đơn kháng cáo:

[2.1] Việc nguyên đơn rút yêu cầu thanh toán tiền lãi:

Theo đơn khởi kiện, ông Q yêu cầu ông Đ và bà H thanh toán tiền gốc 221.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Ngày 21/02/2017, ông Q có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông Đ và bà H thanh toán tiền lãi. Xét thấy, việc rút yêu cầu tính lãi của ông Q là tự nguyện, nên cấp sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu thanh toán tiền lãi là có căn cứ.

[2.2] Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn:

Ông Q yêu cầu ông Đ và bà H thanh toán số nợ gốc 221.000.000đ. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ là giấy vay tiền ngày 11/10/2011, hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2012, giấy cam kết hoàn nợ ngày 10/01/2013, ngày 13/12/2013 và ngày 23/5/2014, Hội đồng xét xử xác định:

Ông Đ là thầu xây dựng, ông Q là người làm công và quản lý thợ cho ông Đ. Trong quá trình xây dựng các công trình từ năm 2011 đến cuối năm 2012, ông Đ thiếu vốn đã nhiều lần nhờ ông Q đi vay tiền để thanh toán vật tư và trả công thợ. Sau đó ông Đ không có tiền trả lại cho ông Q nên phải viết giấy nhận nợ và cam kết trả nợ, cụ thể:

- Ngày 11/10/2011, ông Đ viết giấy vay của ông Q 70.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày.

- Ngày 14/3/2012, ông Đ viết giấy vay của ông Q 133.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 14/5/2012.

- Ngày 10/01/2013, ông Đ ký giấy cam kết xác nhận đã vay của ông Q tổng cộng 221.000.000 đồng, hẹn ngày 20/01/2013 sẽ trả.

- Ngày 13/12/2013 ông Đ viết giấy cam kết xin gia hạn thanh toán số tiền 221.000.000 đồng đến ngày 30/2/2014.

- Ngày 23/5/2014, ông Đ viết tiếp giấy cam kết xin gia hạn thanh toán nợ đến ngày 23/5/2014 nhưng cũng không thực hiện được.

Ông Đ thừa nhận toàn bộ chữ viết và chữ ký trên giấy vay tiền, hợp đồng vay tiền, giấy cam kết hoàn nợ nêu trên là của Ông nhưng chỉ có giấy vay tiền ngày 11/10/2011 là Ông viết và ký tên tự nguyện còn hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2012 và giấy cam kết hoàn nợ Ông viết và ký tên do bị ông Q đe dọa, ép buộc nhưng Ông không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, trên hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2012 và giấy cam kết hoàn nợ ngày 10/01/2013 có chữ ký của người làm chứng là ông Phạm Văn M.

Ông Đ cho rằng, chữ ký của bà H trên các giấy nợ là do Ông ký thay nhưng bà H lại thừa nhận chữ ký trên giấy vay tiền ngày 11/10/2011 và hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2012 là của Bà. Ông Đ là người đưa giấy nợ cho Bà ký, trước khi đưa, ông Đ có nói cho Bà biết nội dung giấy nợ, Bà không đọc lại mà ký tên luôn. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời khai của ông Đ về việc ký và viết giấy nợ do bị ép buộc. Ông Đ và bà H phải chịu trách nhiệm đối với những giấy nợ mà mình đã viết và ký tên, cụ thể ông Đ và bà H phải thanh toán cho ông Q theo hai giấy nợ 70.000.000 đồng và 133.000.000 đồng, tổng cộng 203.000.000 đồng.

Đối với số nợ 18.000.000 đồng phát sinh sau là nợ riêng của ông Đ nên một mình ông Đ phải thanh toán cho ông Q.

Ông Đ khai nhiều lần trả tiền cho ông Q, tổng cộng 135.000.000 đồng. Ông Q cũng thừa nhận ông Đ thỉnh thoảng có trả tiền cho Ông nhưng đó chỉ là tiền lãi Ông nhận rồi mang đi trả cho người khác và Ông cũng không nhớ số tiền đó là bao nhiêu. Do ông Đ không chứng minh được số tiền đã trả cho ông Q là gốc hay lãi nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Q về việc yêu cầu ông Đ và bà H thanh toán nợ gốc 221.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Cấp sơ thẩm đã tính đúng, nên không xem xét lại.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu toàn bộ theo quy định.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Khắc Đ; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 02/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành.

Căn cứ Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi của ông Đào Tiến Q.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Tiến Q đối với ông Nguyễn Khắc Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Khắc Đ và bà Nguyễn Thị Cẩm H thanh toán cho ông Đào Tiến Q tiền gốc 203.000.000 đồng (hai trăm lẻ ba triệu).

Buộc ông Nguyễn Khắc Đ thanh toán cho ông Đào Tiến Q tiền gốc 18.000.000 đồng (mười tám triệu).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án; nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nói trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Cấp sơ thẩm đã tính đúng, nên không xem xét lại.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Khắc Đ phải chịu 300.000 đ (ba trăm ngàn) đồng. Cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000666 ngày 07/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, như vậy ông Đ đã nộp đủ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (Ngày 30/5/2018).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh BR-VT;
- TAND H Tân Thành
- THA DS H Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đoàn Ngọc Thiện